

TP. Hưng Yên, ngày 05 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 26 của Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 27 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 06/2024/TLST-KDTM ngày 03 tháng 6 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân Hàng TMCP Q (Viết tắt: N);

Địa chỉ: B L, phường L, quận H, Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị Thanh H - Chủ tịch HĐQT.

Đại diện theo uỷ quyền: Bà Đinh Thị L - Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ
- Ngân hàng TMCP Q.

Người được uỷ quyền lại tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 2000 và ông Đoàn Thanh K, sinh năm 1983 - Đều là Chuyên viên, Phòng xử lý nợ miền B, Trung tâm xử lý nợ, Ngân hàng TMCP Q; địa chỉ : Số B Bà T, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội.

- **Bị đơn:** + Ông Lã Quang T1, sinh năm 1984;

+ Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1990;

Cùng HKTT: B T, phường Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về tổng số nợ gốc, nợ lãi, phí phạt:

Tính đến ngày 27/8/2024, ông Lã Quang T1 và bà Nguyễn Thị Kim D xác nhận còn nợ Ngân hàng TMCP Q (N) tổng số tiền là: 3.787.948.080 đồng (*Ba tỷ, bảy trăm tám mươi bảy triệu, chín trăm bốn mươi tám nghìn, không trăm tám mươi đồng*), bao gồm: Nợ gốc: 2,789,999,999 đồng và Nợ lãi: 997,948,081 đồng (*Trong đó: Lãi trong hạn: 25,615,730 đồng; lãi trên dư nợ gốc quá hạn: 968,626,847 đồng; lãi chậm trả lãi 3,705,504 đồng*), theo Hợp đồng hạn mức cho vay số: 081/2022/HĐHM-9389 ngày 17/03/2022 và đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 01/KUNN/081/2022/HĐHM-9389 ngày 18/03/2022 ký kết giữa Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh H1 với ông Lã Quang T1 và bà Nguyễn Thị Kim D;

Ông Lã Quang T1 và bà Nguyễn Thị Kim D còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 28/8/2024 theo Hợp đồng hạn mức cho vay số: 081/2022/HĐHM-9389 ngày 17/03/2022 và đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 01/KUNN/081/2022/HĐHM-9389 ngày 18/03/2022 cho đến ông T1, bà D thanh toán xong nghĩa vụ trả nợ.

2.2. Về thời hạn trả nợ gốc, nợ lãi, phí phạt và xử lý tài sản thế chấp:

*** Về thời hạn trả nợ gốc, nợ lãi, phí phạt:**

Các bên đương sự thống nhất thỏa thuận: Ông Lã Quang T1 và bà Nguyễn Thị Kim D có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q (N) toàn bộ số tiền gốc, tiền lãi, phí phạt trong thời hạn 09 tháng, thời hạn trả từ ngày 28/9/2024 đến hết ngày 28/5/2025, cụ thể ông T1, bà D phải trả như sau:

- Trả lần thứ nhất vào ngày 28/9/2024, số tiền 100.000.000 đồng.
- Trả lần thứ hai vào ngày 28/10/2024, số tiền 100.000.000 đồng.
- Trả lần thứ ba vào ngày 28/11/2024, số tiền 150.000.000 đồng.
- Trả lần thứ tư vào ngày 28/12/2024, số tiền 200.000.000 đồng.
- Trả lần thứ năm vào ngày 28/01/2025, số tiền 200.000.000 đồng.
- Trả lần thứ sáu vào ngày 28/02/2025, số tiền 200.000.000 đồng.
- Trả lần thứ bảy vào ngày 28/3/2025, số tiền 400.000.000 đồng.
- Trả lần thứ tám vào ngày 28/4/2025, số tiền 400.000.000 đồng.
- Trả lần thứ chín vào ngày 28/5/2025, số tiền gốc còn lại và toàn bộ tiền lãi (bao gồm cả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 28/8/2024 cho đến khi tất toán, trên số dư nợ gốc).

*** Về vi phạm nghĩa vụ trả nợ và xử lý tài sản thế chấp:**

Các bên đương sự thống nhất thỏa thuận: Trường hợp ông Lã Quang T1 và bà Nguyễn Thị Kim D không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn như đã thỏa thuận, vi phạm bất kỳ lần trả gốc, lãi nào thì nguyên đơn được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án giải quyết phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ khoản nợ gốc, lãi theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 081/2022/HĐTC-9389 ngày 17/03/2022, số công chứng số: 2682; quyền số: 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD được công chứng tại Văn phòng Công chứng B9 tỉnh H ngày 17/03/2022. Tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất cùng các quyền và lợi ích phát sinh từ hoặc có liên quan đến thửa đất số 114, tờ

bản đồ số 05, mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị địa chỉ: Số B, đường T, phường Q, thành phố H, diện tích: 81,6 m² (Bằng chữ: Tám mươi một phẩy sáu mét vuông), hình thức sử dụng: Sử dụng riêng, nguồn gốc sử dụng: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BE 845320, Số vào sổ cấp GCN: CH 00168 - 1223/QĐ-UBND Q 07 - T 21 do UBND thành phố H cấp ngày 13/06/2011 cho ông Lã Quang T1.

Trường hợp Cơ quan thi hành án phát mại tài sản đảm bảo nêu trên mà chưa đủ trả gốc lãi khoản vay theo Hợp đồng hạn mức cho vay số: 081/2022/HĐHM-9389 ngày 17/03/2022 và đề nghị giải ngân kiêm kế ước nhận nợ số: 01/KUNN/081/2022/HĐHM-9389 ngày 18/03/2022 thì ông Lã Quang T1 cùng vợ là bà Nguyễn Thị Kim D phải tiếp tục trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q1 tiền còn thiếu.

3. Về án phí: Các đương sự thoả thuận:

+ Bị đơn (ông Lã Quang T1 và bà Nguyễn Thị Kim D) phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm kinh doanh thương mại là 53.879.481đ (*Năm mươi ba triệu, tám trăm bảy mươi chín nghìn, bốn trăm tám một đồng*).

+ Ngân hàng Thương mại cổ phần Q không phải chịu tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 tiền 46.171.000đ (*Bốn mươi sáu triệu, một trăm bảy một nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000435 ngày 31 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.*

Nơi nhận:

- Các Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Hưng Yên;
- Chi cục THADS TP. Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Thương